



MỤC LỤC

HƯỚNG TỚI KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA DÂN TỘC

1. NGUYỄN TÀI ĐÔNG – Xây dựng hệ giá trị quốc gia Việt Nam trong kỷ nguyên mới: tầm nhìn và định hướng. 3

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN

2. NGUYỄN VĂN TRƯỜNG, ĐOÀN MẠNH HÙNG – Kiên định bảo vệ “tài sản tinh thần to lớn và quý giá” của Đảng và dân tộc Việt Nam. 10

3. NGÔ QUANG HUY – Tư tưởng văn hóa của Nguyễn Trãi: Nội dung, giá trị lịch sử và hạn chế. 19

4. VÕ VĂN DŨNG, DƯƠNG XUÂN DŨNG – Quan niệm về bản chất con người trong triết học Phật giáo. 30

5. LIU PO-HUNG (LƯU BÁCH HOÀNG) – Trở về với nguyên điển: tìm hiểu sự vận dụng *Lễ ký tập thuyết đại toàn* của *Gia lễ lược biên* ở Việt Nam và ý nghĩa của nó. 40

6. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI – Quan điểm của Theodore Adorno và Max Horkheimer về “công nghiệp văn hóa” qua tác phẩm *Biện chứng của khai sáng*. 59

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

7. HỒ SĨ QUÝ – Về các xu hướng biến đổi của văn hóa – lối sống ở Việt Nam hiện nay. 69

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

8. TRỊNH THỊ HẰNG – Quan niệm của Henri Bergson về đà sống (*élan vital*). 87

JOURNAL OF PHILOSOPHY

EDITOR IN CHIEF
Dr. Trinh Thi Hang
Add: 1 Lieu Giai, Ngoc Ha, Hanoi
E-mail: tapchitriethoc@yahoo.com.vn

Nº 3 (399)
MARCH - 2025
Monthly Review

CONTENTS

TOWARD A NEW ERA OF NATIONAL DEVELOPMENT

- 1. NGUYEN TAI DONG** - Building Vietnam's national value system in the new era: vision and orientation. 3

VALUES AND SUSTAINABLE VITALITY OF MARXISM-LENINISM

- 2. NGUYEN VAN TRUONG, DOAN MANH TUNG** - Steadfastly protecting the 'great and precious spiritual assets' of the Party and nation of Vietnam. 10

-
- 3. NGO QUANG HUY** - Nguyen Trai's cultural thinking: contents, historical values, and limitations. 21

- 4. VO VAN DUNG, DUONG XUAN DUNG** - Conception of human nature in Buddhist philosophy. 30

- 5. LIU-PO HUNG** - Returning to the original classics: A study of the application of the complete explanations of *Rites in compendium of family Rituals* in Vietnam and its significances. 40

- 6. NGUYEN THI PHUONG MAI** - Theodore Adorno and Max Horkheimer's views on "culture industry" in *The Dialectic of Enlightenment*. 59

EXCHANGE OF VIEWS

- 7. HO SI QUY** - On the current trends of culture-lifestyle transformation in Vietnam. 69

RESEARCH AND STUDY

- 8. TRINH THI HANG** - Henri Bergson's conception of *élan vital*. 87

TRỞ VỀ VỚI NGUYÊN ĐIỂN: TÌM HIỂU SỰ VẬN DỤNG LỄ KÝ TẬP THUYẾT ĐẠI TOÀN CỦA GIA LỄ LƯỢC BIÊN Ở VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ^(*)

Liu Po-Hung (Lưu Bách Hoàng)^(**)

^(**) Tiến sĩ, Sở Nghiên cứu Văn Triết Trung Quốc, Viện Nghiên cứu Trung ương (Academia Sinica).

Email: lowbow@gate.sinica.edu.tw

Tóm tắt: Bài nghiên cứu này lấy đối tượng nghiên cứu là Gia lễ lược biên (ký hiệu: VHv.2487) tàng bản của họ Trần, được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, do dẫn thuật một lượng lớn ý nghĩa của lễ được giải thích trong *Lễ ký tập thuyết đại toàn*, đồng thời chủ đích làm nổi bật tính quan trọng của vấn đề “trao giới” trong tế tổ. Tài liệu này có tính chất đặc biệt trong quá trình phát triển của Gia lễ học ở thời kỳ Minh - Thanh và tại Việt Nam. Vì thế, bài viết này sẽ tập trung làm rõ bối cảnh, phương thức viện dẫn *Lễ ký tập thuyết đại toàn* và ý nghĩa của nó trong quá trình phát triển Lễ học. Bài viết gồm ba phần, đầu tiên thảo luận về quy định và nội hàm ý nghĩa của nghi lễ trao giới. Nho gia truyền thống cho rằng, tế tổ không phải là điển lễ để cầu phúc, mà là để con cháu biểu đạt lòng tưởng nhớ người thân, vì thế trao giới trước khi tế tổ nhất định phải đạt được ba mục tiêu là: “Dự bị => Ngưng thần => Tư thân”. Càng về sau, nghi lễ trao giới trước khi tế tổ dần phát triển theo xu hướng đơn giản và thực dụng, chỉ phát huy chức năng chuẩn bị các công việc cho nghi lễ tế tổ và tự hợp tông thân. Chính vì thế, nhà Nho thời Minh là Khâu Tuấn đã biên soạn *Văn Công gia lễ* nghi tiết nhằm kết hợp kinh điển với nghi thức, đề xướng trào lưu trở về nguyên điển trong biên soạn *Gia lễ*. Trên nền tảng *Văn Công gia lễ* nghi tiết của Khâu Tuấn, sách *Gia lễ lược biên* đã sử dụng ý nghĩa nghi lễ được giải thích trong *Lễ ký tập thuyết đại toàn* mang tính quyền uy quan phương tại Việt Nam, nhờ đó có các đặc điểm như tính chính đáng, tính đơn giản, dễ hiểu; có thể dùng để hướng dẫn thực hành nghi lễ, đồng thời cũng là tài liệu về luân lý.

Từ khóa: *Gia lễ*, *Lễ ký*, thời Minh, Khâu Tuấn, *Lễ ký tập thuyết đại toàn*.

Ngày nhận bài: 19/12/2024; ngày phản biện: 06/01/2025; ngày sửa chữa: 10/02/2025; ngày duyệt đăng: 10/06/2025.

1. Mở đầu

Ngũ kinh - Tứ thư đại toàn và *Tính lý đại toàn* do Hồ Quảng vâng sắc lệnh thời Vĩnh Lạc nhà Minh biên soạn, trở thành nền tảng phát triển của kinh học và tư tưởng thời Minh. Mặc dù chịu ảnh hưởng từ các trào lưu học phong

và từng bị các học giả thời Minh khen chê khác nhau, thậm chí có những nỗ lực tiến hành công tác san định và trùng

^(*) Bài viết lấy từ Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế “Văn hóa gia đình Nho giáo và hệ giá trị gia đình đương đại” do Viện Triết học chủ trì tổ chức ngày 21-22 tháng 9 năm 2024, tại Hà Nội.

biên lại *Đại toàn*, thế nhưng điều đó khó có thể làm lung lay vị thế tiêu biểu và ảnh hưởng sâu rộng của bộ *Đại toàn* trong lý giải kinh điển quan phương thời Minh. Vì thế, dù bước vào thời nhà Thanh, công tác biên soạn các kinh triều Khang Hy vẫn tiếp tục được hoàn thành dựa trên nền tảng của *Ngũ kinh chính nghĩa*, *Ngũ kinh đại toàn*¹ (Vương Phong Tiên 2009: 140-160). Bộ *Đại toàn* được san khắc và lưu hành thời Minh có ảnh hưởng rất lớn đối với các nước Đông Á, kết hợp với chế độ khoa cử và được các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam sử dụng. Vì vậy, nó trở thành độc bản tiêu chuẩn bắt buộc phải rèn tập đối với sĩ nhân cử tử khi tham gia vào khoa cử của Đông Á. Nói cách khác, nguồn cội tri thức chung về kinh điển Nho gia của người học ở khu vực Đông Á, chính là *Đại toàn*. Ví dụ, vào niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 15 (1417), triều Minh đã ban hành bộ *Đại toàn* phổ biến rộng rãi trong thiên hạ; đến năm 1419, bộ sách này đã được truyền vào Việt Nam. Muộn nhất là vào năm 1422, các cơ quan giáo dục Nho học tại địa phương ở Việt Nam đã giảng giải và truyền thụ *Đại toàn*, đủ để thấy rằng sách này đã được truyền bá và lưu hành ở thời Lê².

Đại toàn là giáo trình khoa cử quan phương chế định của Việt Nam, được lưu truyền nhanh chóng nhờ nhu cầu ứng thí của người học; nhưng riêng phạm vi ảnh hưởng của nó thì không chỉ giới hạn ở ứng thí khoa cử. *Đại toàn* đã tập hợp sự giải thích từ ngữ và làm rõ nghĩa lý kinh sách của các nhà Nho thời Tống - Nguyên, đưa ra

sự chỉ dẫn về luân lý quy phạm ngoại tại và dẫn dắt đạo đức tình cảm nội tại. Khi đối diện với vấn đề thực tiễn của lễ và luân lý, bộ *Đại toàn* được đông đảo mọi người biết đến, trở thành căn cứ để tham khảo và dẫn dắt. Bản *Gia lễ lược biên* (ký hiệu VHv.2487) được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm mà bài viết này thảo luận tới, đã vận dụng *Lễ ký tập thuyết đại toàn* để giải thích ý nghĩa nghi lễ trong điển lễ tế tự tổ tiên. Sử dụng nghĩa lý kinh thuyết của nhà Nho thời Tống - Nguyên để giải thích việc tế lễ tổ tiên gia tộc, đã trở thành một hiện tượng thu hút sự quan tâm khi quan sát vấn đề lý giải kinh điển quan phương thời Minh và sự giao lưu gia lễ giữa các khu vực bên ngoài [Trung Quốc], qua đó thấy được biểu hiện phổ biến và hiệu quả của bộ *Đại toàn*.

Tác giả của bộ *Gia lễ lược biên* không rõ là ai, trong quyền đầu có đề “tàng bản họ Trần”, gần đây đã được Lưu Cương và Sử Đức Tân chỉnh lý hiệu điểm, đồng thời được Juji Azuma viết phần đề giải, do Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã ấn hành. Toàn bộ cuốn sách chia thành ba phần lớn là: “Cổ huấn” (bao gồm Từ đường, Trai nghi, Tế huấn), “Đông chí tế nghi tiết” (chú giải nghi tiết) và “Tế văn” (văn tế Nguyên đán, văn tế Đuan

1 Tuy các kinh được vâng mệnh biên soạn chưa nhập vào bộ *Lễ ký*, nhưng ở đây có ý nhấn mạnh đến tính chất toàn thể và địa vị của bộ *Đại toàn*.

2 Liên quan đến thảo luận về việc ba bộ *Đại toàn* triều Vĩnh Lạc nhà Minh được truyền nhập vào Việt Nam, xin tham khảo Hứa Di Linh của Đại học Văn hóa Đài Loan: “Từ góc nhìn Đông Á bàn về ý nghĩa của *Tình lý đại toàn*: Trung tâm là so sánh sự lưu truyền giữa Hàn Quốc và Việt Nam”, tạp chí *Nghiên cứu Hán học Trung Chính*, kỳ 2 năm 2018 (tháng 12 năm 2018), tr.35-64.

ương, văn tế Thu thường, văn tế Trung nguyên, văn tế Lạp tiết, văn tế Trừ tịch). Các thiên chương ngắn trong toàn bộ sách này đều được viết bằng chữ Hán, không lẫn tạp chữ Nôm. Juji Azuma chỉ ra rằng, bộ sách này tham khảo tài liệu từ *Lễ ký tập thuyết đại toàn*, *Luận ngữ tập chú đại toàn* và *Tứ thư thuyết ước* của Cố Mộng Lân thời Minh³ (Juji Azuma (Nhật Bản), Đồng Y Sa dịch: 3-8), thậm chí còn dẫn thuật chính văn của Ngũ kinh, *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Khâu Tuấn thời Minh, và bộ *Khang Hy tự điển* được thành sách vào năm Khang Hy thứ 55 (1716). Ngoài ra, có ít nhất hai chỗ trong bộ sách này đã dẫn thuật từ *Hồ Thượng thư gia lễ* của Hồ Sĩ Dương. Câu cuối trong lời tựa của *Hồ Thượng thư gia lễ* có ghi là “Trung tuần tháng 5, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 5 (1739) trong muôn muôn năm của Hoàng triều. Cai hợp, Lệnh sử, Nhị phiên Đồng Tri phủ Chu Bá Đương ở Ô Mễ, Tứ Kỳ kính viết lời tựa”, tức là Chu Bá Đương - Tri phủ ở Tứ Kỳ - viết lời tựa vào năm Vĩnh Hựu thứ 5 (năm 1739) thời Hậu Lê (Vũ Việt Bằng 2022: 80). Căn cứ vào những điều trên, có thể suy đoán rằng, thời gian hoàn thành cuốn sách *Tứ lễ lược biên* không sớm hơn năm Càn Long thứ 4.

Khi so sánh với các sách gia lễ thông hành ở thời Minh và các sách gia lễ Hán Nôm của người Việt, *Tứ lễ lược biên* cho thấy hai đặc điểm nổi bật: *Một là*, cuốn sách này chủ yếu sử dụng *Lễ ký* để giải thích nghi tiết, làm rõ ý nghĩa của từng nghi lễ, đồng thời căn cứ vào bộ *Lễ ký tập thuyết đại toàn* để giải thích kinh điển quan phương thời Minh. *Hai là*,

khi nói về nghi tiết tế tổ, cuốn sách này đặc biệt chú trọng đến ý nghĩa của việc trai giới trước khi tiến hành tế tổ. Hai đặc điểm này đã chứng minh rằng cái học về lễ (bộ *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Khâu Tuấn và bộ *Lễ ký tập thuyết đại toàn*) thời Minh được truyền nhập và phổ cập hóa tại Việt Nam, đồng thời nhận được sự quan tâm, vận dụng trong dân gian, điều đó phản ánh ý nghĩa phổ biến và hiệu quả của cái học về lễ. Nhìn từ sự phát triển của cái học về lễ tại Việt Nam, có thể thấy, cái học về lễ thời Minh đã thấm thấu sâu rộng vào xã hội Việt Nam, góp phần định hướng sự phát triển của hệ thống gia lễ bản địa, khiến nó có xu hướng ngày càng gắn bó chặt chẽ với lễ giáo Nho gia.

Sau đây, chúng tôi xin thảo luận một số vấn đề như sau: *một là*, về cách thức sắp đặt nghi lễ trai giới trước tế tổ trong cổ lễ và sự diễn giải ý nghĩa luân lý của nghi tiết này; đồng thời cũng chỉ ra rằng việc sắp xếp quy định trai giới cử hành tế tổ của đời sau, từ ý nghĩa đạo đức là tập trung vào sự thay đổi trạng thái nội tại cá nhân, dần chuyển hướng thành ý nghĩa thực dụng là thực hành điển lễ. Xu hướng này đã cho thấy công hiến của *Văn Công gia lễ nghi tiết* do nhà Nho thời Minh là Khâu Tuấn biên soạn. *Hai là*, làm rõ địa vị và nghĩa lễ giáo của sách *Tứ lễ lược biên*.

3 Juji Azuma (Nhật Bản), Đồng Y Sa dịch: “Đề giải *Gia lễ lược biên*” được đưa vào trong *Gia lễ lược biên*: tàng bản họ Trần (Việt Nam) (tập 13, phần Việt Nam, bộ Văn hiến vưng biên – *Gia lễ Đông Á*), tr.3-8.

2. Nghi lễ trai giới trước khi tế tổ trong cổ lễ: một số nội dung và ý nghĩa

“Trai giới”, trong sách lễ còn gọi là “giới”, “trai”, “túc”, “tĩnh”, chỉ quá trình thông qua việc điều chỉnh thân tâm khiến biến chuyển về mặt ý chí nội tại, mục đích là chuẩn bị cùng với người tế có thể hoàn toàn tập trung vào việc tế tự. Đối với việc trai giới trước tế, trong các sách cổ lễ của Nho gia có một loạt những miêu tả quy phạm liên quan đến tình cảm đạo đức nội tại (tâm) và hành vi ngoại tại (thân). Nền tảng luân lý của quy phạm trai giới có liên quan đến quan niệm về tế tổ của Nho gia thời Tiên Tần.

Sách cổ lễ phân chia sự tương tác giữa người và quỷ thần thành nhiều hình thức khác nhau, ví dụ như Kỳ, Đào, Tế, Tự, Từ,... mục đích cũng không hoàn toàn giống nhau. Ví dụ như Kỳ, trong phần *Đại chúc* thiên *Xuân quan* sách *Chu lễ* có nói rằng “năm giữ sáu Kỳ để bày tỏ cùng quỷ thần, một là Loại, hai là Tạo, ba là Quái, bốn là Vinh, năm là Công, sáu là Thuyết”, Trịnh Huyền chú thích rằng “Kỳ” là vì quỷ thần không hợp dẫn đến tai ương biến động, quan phụ trách tế tự phải làm lễ Kỳ để điều hòa, khiến người ta có được phúc⁴. Còn “Đào” là ngôn từ cầu quỷ thần ban phúc. Liên quan đến vấn đề “kỳ”, “đào” quỷ thần để cầu phúc, Nho gia đề xuất chủ trương “tế tự không cầu” (xem trong thiên *Lễ khí* sách *Lễ ký*), có nghĩa là mục đích của tế tự tế tiên không phải là để cầu phúc. Trịnh Huyền chú rằng “Kỳ là cầu vậy. Tế tự không phải là để cầu phúc. *Kinh thi* có nói rằng “tự cầu nhiều phúc”, phúc là do mình”. Chuyện phúc

họa là do mình, đồng thời cái “phúc” mà nhà Nho theo đuổi là trọn vẹn cái chí hướng bên trong và thuận theo đạo ở bên ngoài, đó là hành vi đạo đức của tự thân, không giống việc mong cầu quỷ thần trợ giúp để có được điềm lành sống thọ như người đời.

Có rất nhiều chủ trương và quan niệm tương ứng xoay quanh vấn đề “tế tự không cầu”, như đoạn “việc tế của người hiền” trong thiên *Tế thống* sách *Lễ ký*, trong kinh văn có nói rằng “việc tế của người hiền là: trọn vẹn sự thành tín và lòng trung kính của mình, dâng lên phẩm vật, dẫn dắt bằng lễ, úy lạo bằng nhạc, chỉ theo thời tiết, mà dâng tiến phẩm vật thanh khiết. Không mong cầu đối với việc làm, ấy là tâm của người con hiếu”. Tế tổ là người đời sau truy niệm về tổ tiên mình, giữ thái độ thành tín trung kính, tế tự tế tiên với nghi thức phù hợp với lễ mà không có mục đích cầu mong phúc riêng cho mình, đó mới là cái tâm hiếu thuần túy. “Không mong cầu đối với việc làm” được nhắc đến trong kinh văn, đã được Khổng Dĩnh Đạt thời Đường giải thích là “người con hiếu chỉ trọn lòng hiếu kính để mà tế tự, không mong cầu sự báo đáp tốt lành của quỷ thần cho mình”. Thái độ thành tín, trung kính là đường hướng tế tự mà

4 Trịnh Huyền thời Đông Hán có chú giải rằng: “Vì có tai ương, hô gào báo cáo với thần để mà cầu phúc. Thiên thần, nhân quỷ và địa kỳ không hòa hợp, cho nên mới có sáu loại bệnh tật. Vì thế phải làm lễ Kỳ để giúp mọi thứ hòa đồng”. Xin tham khảo bản do Trịnh Huyền (thời Đông Hán) chú, Lục Đức Minh (thời Đường) làm âm nghĩa, Giả Công Ngạn (thời Đường) làm sớ: *Trùng san Tổng bản Chu lễ chú sớ* (Đài Bắc: Văn Nghệ ấn thư quán, năm 1984), quyển 25, tr.383.

nhà Nho coi trọng, hình tượng điển hình chính là việc “thờ tự trung kính” của Chu Văn Vương được miêu tả ở thiên *Tế nghĩa* sách *Lễ ký*: “việc tế của Văn Vương: phụng sự người mất như phụng sự khi còn sống, nhớ tới người đã mất cảm giác như mình chẳng thiết sống, ngày giỗ ắt bi ai, nhắc đến tên hủ như thấy người thân. Lòng trung khi tế, như thấy sở thích của người thân, như thể ham sắc đẹp”.

Từ “trung” ở đây để chỉ trị tận tâm mà tế⁵. Văn Vương tế tổ không vì cầu mong phúc báo, đó là sự tế tự trung kính. Quy tắc hành vi tế tự trung kính ấy là khi tế tự có thể “phụng sự người mất như phụng sự khi còn sống”, “như thấy người thân”, điều này tương ứng với “tế như tại, tế thân giống như thân đang ở đó” trong thiên *Bát dật* sách *Luận ngữ*. Khi tế tự, làm sao để thể hiện “như thấy được sở thích của người thân, như thể ham sắc đẹp?”. Khổng Dĩnh Đạt thời Đường giải thích rằng, khi trai giới trước tế thì nhất định phải chuyên chú tư tưởng “lòng ham thích thường ngày của người thân, tựa như thật sự đang thấy sở thích của người thân ở trước mặt, lại nhớ nghĩ hết mực đến sở thích của người thân, như thể người phạm ham thích nữ sắc vậy”. Thông qua việc trai giới trước tế cùng với người tế, mới có thể đạt cái tâm tình nhớ nghĩ người thân thuần túy khi tế tổ, thoát ra khỏi suy nghĩ công danh lợi lộc, đạt đến cảnh giới tế của người hiền, tức là sự tế tự không mong cầu, tế tự trung kính.

Trai giới là điều đặc biệt quan trọng, sách cổ lễ có dẫn chứng cụ thể về ăn ở sinh hoạt, ý niệm tâm tư đối với việc

trai giới trước tế. Thiên *Tế thống* sách *Lễ ký* có viết: “Đến khi sắp tế, quân tử sẽ trai giới. Trai giới là nói về chỉnh tề vậy. Chỉnh tề những điều chưa chỉnh tề, để mà trai giới hết mực. Cho nên người quân tử nếu không gặp việc lớn, nếu không cung kính, thì không nên trai giới. Không trai giới thì không đề phòng với vật, ham thích không biết điểm dừng. Đến khi sắp trai giới, thì cần phòng tránh vật tà, dứt hẳn ham muốn, tai không nghe nhạc. Cho nên sách *Lễ ký* có nói rằng: “Trai giới thì không nghe nhạc”, là để nói rằng không dám buông thả cái chí mình vậy. Tâm không nghĩ bừa, nếu phải nghĩ thì ắt nương vào đạo; tay chân không động bừa, nếu phải động thì ắt nương vào lễ. Cho nên việc trai giới của người quân tử là chuyên hướng đến cái đức tính tinh thành thuần khiết. Cho nên, cần phải Tán trai bảy ngày để định tâm chí, Trí trai ba ngày để khiến tâm chí chỉnh tề. Tâm chí ổn định rồi thì gọi là trai. Trai có nghĩa là cùng tốt sự tinh thành thuần khiết, rồi sau đó có thể giao cảm được với thần minh”.

Ở đây có nói đến việc trước tế tổ mười ngày sẽ bắt đầu trai giới, trong đó bảy ngày đầu là “Tán trai”, ba ngày sau là “Trí trai”. Theo giải thích của Trịnh

5 Sách *Kinh điển thích văn* của Lục Đức Minh nói rằng: “Trung có nghĩa như tự dạng, nói rằng trọn vẹn cái tâm ở bên trong”. Khổng Dĩnh Đạt thời Đường giải thích: “nói đến sự trung thành trọn vẹn khi tế tự của Văn Vương”. Xin tham khảo bản do Trịnh Huyền (thời Đông Hán) chú, Lục Đức Minh (thời Đường) làm âm nghĩa, Khổng Dĩnh Đạt (thời Đường) làm sớ: *Trung san Tổng bản Lễ ký chú sớ* (Đài Bắc: Văn Nghệ ấn thư quán, năm 1984), quyển 47, tr.809.

Huyền, mục đích của Tán trai là để an định ý chí⁶. Trí trai có nghĩa là “sử sang”, khiến cho tâm chí, ý niệm được an định hoàn toàn, thanh tịnh (tinh minh), như vậy mới có thể cảm ứng với tổ tiên. Nguyên tắc ứng xử hành động trong mười ngày trai giới là “ngăn chặn vật tà”, “dứt các ham muốn”, ngăn cản các phiền nhiễu, từ đó đạt hiệu quả phân cách. Những hành vi cần tuân thủ cụ thể như “không nghe nhạc”, “không nghĩ lung tung”, “không hành động bừa bãi”. Khi trai giới, ngoài việc phải né tránh những phiền nhiễu, còn phải thực hiện các hành vi tích cực: “Trí trai bên trong, Tán trai bên ngoài. Trong những ngày trai thì nhớ đến cách cư xử, nhớ đến nụ cười lời nói, nhớ đến ý chí, nhớ đến sự niềm vui thích, nhớ đến sự ham mê [của người được tế]. Trai ba ngày rồi thì có thể thấy được người mà mình trai giới vì họ” (Thiên *Tế nghĩa* sách *Lễ Ký*).

Trong đoạn giải thích của Trịnh Huyền có chỉ ra rằng, khi Tán trai và Trí trai đều có những hành vi cần tuân thủ, bảy ngày Tán trai thì “không quan hệ với nữ giới”, “không nghe nhạc”, “không điều tang”⁷. Trong ba ngày Trí trai, phải chuyên tâm nhớ nghĩ đến cách cư xử, lời nói tiếng cười, ý chí, niềm vui và ham thích của tổ tiên được tế, ôn lại những tương tác với người thân trong quá khứ. Thông qua ba ngày Trí trai chuyên chú nhớ nghĩ người thân, thì có thể “tinh ý thuần thực”, dường như lại thấy được người thân ở trước mắt⁸. Khi thân tâm đạt được trạng thái “dung mạo nhan sắc, như thấy được người được tế” (thiên *Ngọc tảo* sách *Lễ*

ky), mới có thể cung kính hành lễ, tế tự người thân.

Ngoài những công việc cần chú ý ở trên, sách *Mạnh Tử* cũng nhắc đến: “dù là người ác, nhưng trai giới tắm gội rồi cũng có thể tế tự thượng đế”, thiên *Hương đảng* sách *Luận ngữ* thì nói rằng: “khi trai giới thì ắt phải dùng áo tắm bằng vải bố. Trai giới thì phải thay đổi thức ăn, phải rời chỗ ở”; Khổng An Quốc thời Hán chú rằng: “dùng vải bố làm áo khi tắm gội”, “thay đổi thức ăn, tức là thay đổi thức ăn khác với thường ngày”, “rời chỗ ở, tức là rời khỏi nơi ở thường nhật”. Thiên *Nhân gian thế* sách *Trang Tử*, khi nói về việc Nhan Uyên và Khổng Tử luận bàn về tâm trai giới có ghi rằng: “Nhan Hôi nói rằng: “Nhà của Hôi nghèo khó, đã không uống rượu, ăn thịt cá mấy tháng rồi. Như thế, có thể gọi là trai giới không?” Đáp rằng: “Ấy là trai giới khi tế tự, không phải là trai giới tâm””. Tổng hợp các quy định trai giới trước tế trong các điển tịch thời Tiên Tần, bao gồm: không nghe nhạc, không quan hệ nam nữ, không điều tang, không uống rượu, loại bỏ đồ hôi tanh, không hành động bừa bãi, tắm gội, thay

6 Trịnh Huyền nói rằng: “Định, tức là định ý chí mình”. Xin xem trong *Trùng san Tổng bản Lễ ký chú sớ*, Quyển 49, tr.832.

7 Ngoài ra, trong *Khúc lễ - Lễ ký* nói rằng: “người đang trai thì không nghe nhạc, không điều tang”, Trịnh Huyền có chú rằng: “vì đau buồn hay vui về sẽ mất đi sự chính đáng, tán loạn tâm tư”. Xin xem trong *Trùng san Tổng bản Lễ ký chú sớ*, Quyển 3, tr.53.

8 Khổng Dĩnh Đạt thời Đường chú giải rằng: “Câu ‘Trai ba ngày thì có thể thấy được người cần tế’, có nghĩa là Trí trai nhớ nghĩ đến người thân, tinh ý thuần thuần thực, nhắm mắt lại như thấy được người thân mà mình cần tế”. Xin xem trong *Trùng san Tổng bản Lễ ký chú sớ*, Quyển 47, tr.807.

đôi trang phục sáng sủa (tự làm thanh khiết bản thân), Tán trai ở nơi phòng ngủ chung, Trí trai ở trong thất nhỏ của phòng ngủ, chuyên chú vào nhớ nghĩ người thân. Tổng kết lại, trai giới trước khi tế tổ hàm chứa ba tầng ý nghĩa: “Dự bị => Ngưng thần => Tư thân”.

Trai giới trong cổ lễ thời Tiên Tần đã trở thành bản mẫu được điển chương luật lệ đời sau tuân theo. Trong bộ *Khai Nguyên lễ* được ban hành vào năm Khai Nguyên thứ 20 (732) thời vua Huyền Tông nhà Đường, có ghi chép rằng, trước khi hành lễ các điển lễ tế tự quan trọng của triều đình thì đều phải thực hiện trai giới. Lấy ví dụ, khi Hoàng đế làm tế Thái miếu: “Hoàng đế Tán trai bốn ngày ở điện riêng, Trí trai ba ngày ở điện Thái Cực. Trước Trí trai một ngày, quan Phụng ngự ở cục Thượng Xá dựng trướng riêng ở bên phía Tây điện Thái Cực và ở bên trong thất, tất cả các trướng này đều ngoảnh hướng Đông. Quan Trực trường cục Thượng Xá đặt màn che ở cột trước. Tối sáng sớm ngày Trí trai, các vệ dẫn theo lính đứng ở trước cửa. Đến khi nước trên đồng hồ báo một khắc ban sáng, thì quan Thị trung cầm bản tuyên tấu rằng “Xin hãy chuẩn bị”, trực thuộc các vệ ai nấy dẫn theo quân lính đứng vào hàng ngũ, sắp xếp ở sân điện như thường nghi. Quan Thông sự xá nhân dẫn các quan văn võ từ Ngũ phẩm trở lên chỉnh trang trang phục, sắp xếp vào các vị trí Bồi vị như thường thức. Quan hầu các vệ ai nấy mặc trang phục của mình, các quan hầu còn đeo cả ngọc bội và đều đến gác để nghênh đón. Quan Thị trung cầm bản tấu rằng “Chỉnh tề bên ngoài”, nước ở đồng

hồ lên ba khắc, Hoàng đế đội mũ Thông thiên, áo bào the đỏ thẫm, đeo ngọc bội. Ngồi xa giá ra từ phòng phía Tây, vòng qua lọng che. Thị vệ canh giới bên đường đứng như thường nghi. Hoàng đế ngồi tòa, hướng về phía Đông. Quan hầu đứng hầu hai bên như thường nghi. Trong phút chốc, quan Thị trung quỳ ở phía trước, tấu xưng rằng “Quan hầu nói rằng, xin bệ hạ tới nhà trai giới”, rồi sau đó quỳ phủ phục, đứng dậy, rồi trở về vị trí hầu cận. Hoàng đế xuống rồi vào trong nhà trai giới. Các quan hầu văn võ ai nấy trở về, thị vệ canh phòng vẫn giữ vị trí như thường. Quan Thông sự xá nhân dẫn các vị Bồi vị lần lượt đi ra”.

Trước khi Hoàng đế tế tổ sẽ trai giới bảy ngày, trong đó Tán trai bốn ngày và Trí trai ba ngày. Ở đây miêu tả chi tiết ngày thứ 4 của Tán trai, Hoàng đế từ điện riêng đi vào nhà trai giới được dựng trong điện Thái Cực, chính thức bước vào quá trình Trí trai. Đối với việc trai giới của quần thần được thực hiện như thế nào, có thể xem trong đoạn “Trai giới” thuộc phần *Tự lệ hạ* bộ *Khai Nguyên lễ*: “Hễ có tế tự lớn, sáng sớm bảy ngày trước khi tế các Trai quan đều tập hợp tại Thượng Thư sảnh, nhận lời răn giới. Đến ngày Trí trai, các vị thuộc Tam công đều dựng phòng ở Đô sảnh của sở ti. Các quan viên khác, nếu trong Hoàng thành có nơi làm việc thì sẽ Trí trai ở nơi làm việc, còn người nào không có nơi làm việc thì trai giới tại Thái thường, Giao Xã, Thái miếu, nhà trai giới, tất cả đều đến nơi trai giới trước khi mặt trời mọc. Trước tế tự một ngày, đồng hồ sáng nước đến ba khắc thì ai nấy đều từ chỗ trai giới hướng về

nơi tế tự. Nhưng phải đến lúc sáng rõ thì dọn dẹp đường xá, không được để cho quan viên thấy những việc tai ương tang tóc. Chuẩn bị xong xuôi rồi thì tùy ý mà đi. Những âm thanh khóc lóc ở nơi tế tự, thì phải cho dừng tạm thời”; “hễ có tế tự lớn, thì Tán trai bốn ngày, Trí trai ba ngày. Các tế tự hạng trung thì Tán trai ba ngày, Trí trai hai ngày. Các tế tự nhỏ thì Tán trai hai ngày, Trí trai một ngày. Như ngày Tán trai, thì công việc ban ngày vẫn như cũ, đến đêm thì nghỉ ở phòng ngủ. Không được điếu tang, hỏi thăm bệnh tình, không phán quyết giấy tờ liên quan đến hình phạt chết chóc, không phán quyết tội nhân, không nghe nhạc hoặc nổi nhạc, không tham gia các việc ô uế. Trong ngày Trí trai chỉ làm các việc liên quan đến tế tự, không làm các việc khác. Những người không cần Tán trai và Trí trai thì trai giới một ngày ở nơi làm việc hoặc tại nơi thờ tự. Đối với Tán trai, người gặp tang từ hạng Đại công trở lên; đối với Trí trai, người gặp tang từ một năm trở lên, thì đều cho phép về chịu tang. Đối với người chịu tang từ hạng Ti ma trở lên thì không được dự vào việc của tông miếu. Những người bị bệnh ở nhà trai giới, thì cho phép trở về. Nếu chết ở nơi trai giới, thì người cùng phòng trai giới không được thực hiện việc tế tự”; “hễ là tế tự lớn, tế tự hạng trung, các trai quan tiếp đón thần linh phải tắm gội trước một ngày, quan lại từ cửu phẩm trở lên đều được triều đình cấp trang phục lót bên trong. Quan Trai lang khi dâng đàn hành sự thì cũng được tạm cấp cho trang phục sạch sẽ. Tất cả các trai quan đều phải tập lễ, nếu lâm thời khuyết thiếu, thì có thể

thay nhau làm việc. Đến ngày Trí trai, ai không được hưởng lương thực công và không có nơi làm việc, thì Thái quan sẽ cấp lương thực theo phẩm quan. Ai ở nơi làm việc Trí trai, thì trước tế một ngày cần đến nơi tế tự, cùng với người trai giới trong ngày kỳ cáo cũng sẽ cấp lương thực như thế”.

Đối với các quan viên trai giới trước tế, có quy định nghiêm ngặt để họ tránh tiếp xúc với người đang có việc tang tóc hoặc đồ vật giơ bản, điều này là sự ứng dụng sâu sắc nguyên tắc “phòng tránh vật tà” trong trai giới. Thông qua việc quản lý nơi ở, hành động, trang phục, ăn uống, để đảm bảo thực hiện yêu cầu “không cầu thả”, “dứt ham muốn”. Nhưng, trong những quy định này đều chưa nói đến việc nhớ nghĩ người thân, điều này khiến cho việc tế tự tổ tiên không có quá nhiều khác biệt với tế thiên thần và địa kỳ, đều có mục đích là cầu phúc; hơn nữa cũng bỏ qua việc lời giáo huấn luân lý mà Nho gia nhấn mạnh đó là “phàm nghi lễ tế tự, vốn là cảm ngộ trước sương móc mà nhớ nghĩ đến người thân, mà bày lễ tế để nghĩ nhớ đến sự tồn tại của người thân, chứ không phải tế tự dâng thần nhằm cầu phúc báo”⁹. Tất nhiên, điều này bị hạn chế bởi tính chất của sách lễ quan phương, nhưng vì bộ *Khai Nguyên lễ* có ảnh hưởng lâu dài đến lễ chế của quốc gia, các bộ như *Chính Hòa ngũ lễ tân nghi*, *Đại Kim tập lễ*, *Minh tập lễ lịch đại* phần nhiều đều

9 Tham khảo quan điểm trong thiên *Tế khí* sách *Lễ ký* do Khổng Đĩnh Đạt thời Đường chú giải. Xin xem trong *Trùng san Tổng bản Lễ ký chú sớ*, Quyển 23, tr.458.

dùng theo *Khai Nguyên lễ*, vì nguyên nhân như vậy mà tính chất luân lý của tế tự không thể phản ánh rõ ràng trong thể chế quốc gia¹⁰.

3. Ý nghĩa và sự thay đổi của nghi lễ trai giới trước khi tế tự trong xã hội thời Minh - Thanh

Từ sách *Thu nghi* của Tư Mã Quang thời Bắc Tống, *Gia lễ* của Chu Hy thời Nam Tống được lưu hành, quy định nghi lễ của các tư gia đã trở thành câu nói trực tiếp nhằm lưu giữ và truyền đạt lễ giáo của Nho gia. Việc trai giới trước khi tế tự được quy định trong *Thu nghi* của Tư Mã Quang đã chủ động tuân theo quy định của kinh điển: trước đó bảy ngày, chủ nhân dẫn theo các bậc trưởng phu Trí trai ở bên ngoài (nam từ 10 tuổi trở lên, đều ngủ ở bên ngoài). Chủ phụ thì dẫn theo các phụ nữ Trí trai bên trong. Dù được uống rượu nhưng không được uống nhiều (tức là quá mức độ thông thường). Ăn thịt nhưng không được dùng đồ có mùi hôi (mùi hôi, để chỉ các loại hành, họ, tỏi,... những vật có mùi hôi hám). Không điếu tang, không nghe nhạc. Nếu ai có việc hung ướ, thì không được tham dự, chuyên chú suy nghĩ việc tế tự. Thiên *Tế nghĩa* nói rằng: “ngày trai, thì phải nhớ đến cư xử, nhớ đến lời nói tiếng cười, nhớ đến ý chí, nhớ đến niềm vui, nhớ đến sở thích của người được tế. Trai ba ngày rồi thì thấy được người cần tế”.

Tư Mã Quang đặc biệt nhắc nhở việc trai giới nhất định phải chú ý “chuyên chú suy nghĩ việc tế tự”, dẫn kinh văn của thiên *Tế nghĩa* để nói rõ rằng “chuyên chú suy nghĩ” tức là phải

chuyên chú vào người thân tổ tiên. Ở đây đã bảo lưu trọn vẹn ba giai đoạn là “dự bị”, “chuyên chú” và “tư thân” trong cỗ lễ trai giới. Ông cũng làm nổi bật thân phận và trách nhiệm dẫn dắt, tham gia trai giới của Tông tử (chủ nhân) và vợ Tông tử (chủ phụ), nhấn mạnh vai trò của họ trong tông tộc. Việc trai giới trước tế được quy định trong sách *Gia lễ* của Chu Tử như sau: “trai giới ba ngày trước (ba ngày trước tế, chủ nhân dẫn các trưởng phu Trí trai ở ngoài, chủ phụ dẫn dắt các phụ nữ Trí trai bên trong. Tắm gội, thay trang phục. Uống rượu không được uống loạn. Ăn thịt không được ăn đồ hôi hám. Không điếu tang. Không nghe nhạc. Ai có việc hung ướ, thì đều không được dự)”.

10 Chính quyền trung ương nhà Minh vì muốn nhắc nhở việc trai giới cần phải chuyên chú tâm thần, từng thực hiện một số chính sách, bao gồm cả việc năm Hồng Vũ thứ 3 có lệnh cho bộ Lễ đúc tượng đồng 1 thước 5 tấc, tay cầm thẻ (hốt) ngà, nếu gặp tế tự lớn thì trên thẻ ngà có ghi “Trí trai ba ngày”, tế tự hạng trung thì ghi “Trí trai hai ngày”. Ngoài ra, cũng lệnh cho Lễ quan cùng với các Nho thần biên soạn *Tồn tâm lục* để ghi chép lại các nghi lễ tế tự lớn của các triều đại, các sự việc cảm ứng dị thường khi đế vương tế tự, lấy đó làm tham khảo khi trai giới. Tới năm Hồng Vũ thứ 5, hạ lệnh khi trai giới trước tế, các ti phải đặt thẻ bài trai giới, ở trên có khắc rằng “quốc gia có hiến chương thường lệ, có thần chứng giám”. Đầu niên hiệu Hồng Vũ khi bắt đầu ba ngày trai giới có sai quan tiến hành một lần hiến lễ trước. Những mô tả trên xem trong Du Nhữ (thời Minh) biên soạn: *Lễ bộ chí cáo* (Đài Bắc: Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, bản của *Văn Uyên các Từ khó toàn thư*, năm 1983), Quyển 1, tr.23a; Quyển 81, tr.36a, 38b. Về cơ bản, các quy định này nhằm chú trọng đến việc câu thúc tâm niệm của vua tôi, khiến tâm chí chuyên nhất. Nhưng, đối với nhớ nghĩ người thân khi trai giới trước tế thì không chú ý đến.

Phần lớn căn cứ theo *Thu nghi* của Tư Mã Quang, nhưng có tăng thêm mục “tắm gội, thay trang phục”. Quan điểm “chuyên chú suy nghĩ việc tế tự” trong *Thu nghi* của Tư Mã Quang lại không được Chu Tử sử dụng¹¹. Trong quy tắc nghi lễ của tư gia thời kỳ Minh - Thanh, có lẽ do quy ước của gia tộc trong xã hội, nên khi quy định về trai giới tế tổ phần nhiều đã lấy *Gia lễ* của Chu Hy làm chuẩn mực. Như trong bộ *Gia lễ tập thuyết* của Phùng Thiện được biên soạn thành sách vào khoảng năm Tuyên Đức thứ 9 (1434) thời Minh, có nói rõ việc trai giới trước khi tế tổ như sau: “Sách *Gia lễ* nói rằng: ba ngày trước tế, Chủ nhân và các nam tử trở xuống Trí trai ở ngoài, Chủ phụ và nữ nhân trở xuống Trí trai ở trong, nam nữ ngủ khác chỗ. Tắm gội, thay quần áo. Uống rượu không được loạn, ăn thịt không ăn đồ hôi hám, không điếu tang, không nghe nhạc. Hễ ai có việc hung uế, không được tham dự. Còn theo Hàn Ngụy Công thì chỉ Trí trai một ngày”.

Phùng Thiện dẫn sách *Gia lễ* của Chu Tử, nhưng đặc biệt thêm vào câu “nam nữ ngủ khác chỗ”, để biểu thị rằng nam nữ khi trai giới cấm chỉ có quan hệ với nhau. Ngoài ra, sách cũng dẫn đoạn văn trong *Gia tế thức* của Hàn Ngụy Công rằng, “trước tế một ngày, hiến lễ ba lần. Người chấp sự trai giới thanh khiết một ngày ở thất riêng. Hàng đệ tử con cháu mà không hiến tế, và chủ phụ thì cũng như thế. Những người dự tế đều phải tắm gội, thay đổi trang phục” (Lã Tổ Khiêm (thời Nam Tống) 1983, quyển

4: 5b); theo ghi chép trong *Tế lục* của Chu Nguyên Dương thời Đường, ngay từ thời kỳ Tần – Hán, các công khanh sĩ đại phu khi phỏng theo lễ của tầng lớp sĩ đã có tập tục trai giới một ngày trước tế rồi (Lã Tổ Khiêm (thời Nam Tống) 1983, quyển 4: 5b). Trong hành lễ của dân gian, tồn tại cả trai giới trước tế ba ngày và một ngày, nội dung chủ yếu của trai giới là ước thúc không chế việc sinh hoạt, ăn uống. Chức năng thực tế của trai giới là kết tập người tham gia tế tự, vừa đảm bảo mức độ tham dự của các thành viên trong tông tộc, vừa sớm nắm bắt kiểm soát được số người, tránh được sai sót khi tế tự, vì vậy dù thời gian Trí trai có giảm ngắn còn một ngày, cũng không ảnh hưởng quá nhiều. Cuốn *Gia lễ chúc* của Tôn Hạ Phong đầu thời Thanh có bàn về trai giới, rằng: “Một ngày trước tế thì Trí trai. Không được uống rượu ăn thịt, điếu tang, thăm ốm. Nếu là quan viên thì lấy có bệnh mà xin nghỉ một ngày”, hy vọng rằng những tông thân là quan viên sẽ xin nghỉ một ngày để

11 Không rõ nguyên nhân loại bỏ là gì. Nhưng, khi Ngô Bá Phong hỏi Chu Tử rằng câu “tuy ngã tư thành” trong bài *Na phần Thương tụng* sách *Kinh thi* thì có bàn đến quan điểm khác nhau giữa Trịnh Huyền với Trình Di về vấn đề trai giới tư thân: Trình Tử cho rằng trai giới thì không được nhớ nghĩ, có nhớ nghĩ thì không phải là trai giới, tư thân là tâm thường ngày của người con hiếu; còn trong sách *Lễ ký* và Trịnh Huyền thì chủ trương phải chuyên chú tư thân. Điều này có liên quan đến việc sách *Gia lễ* không lựa chọn “chuyên chú suy nghĩ việc tế tự” hay không thì còn phải đợi các nghiên cứu sau này. Xem: Chu Hy (thời Nam Tống): *Phản Đáp Ngô Bá Phong*, sách *Chu Hy tập* (Thành Đô: Tứ Xuyên giáo dục xuất bản xã, năm 1996), Quyển 52, tr.2652-2653.

tham gia trai giới và tế tổ. Trong ba giai đoạn của trai giới, phần lớn việc thực hiện trai giới trước tế nằm chủ yếu là ở giai đoạn “Dự bị”, một số ít quy định của tư gia có chú ý đến việc nâng cao độ chuyên chú tinh thần của người tham dự tế, nhưng rất ít trường hợp đề cập đến yêu cầu nuôi dưỡng tình cảm nhớ nghĩ đến người thân.

Ngay cả trong quy ước tông tộc ở địa phương thời Minh - Thanh, một số ít tài liệu như *Ngô Ninh Khang thị gia quy* có nói rằng, “Lễ tế thì không bàn đến việc tế tự lớn nhỏ, đều cần trai giới kính cẩn, để thể hiện lời răn giới như tổ tiên đang còn sống. Nếu có con em nào trẻ nãi trong nghi lễ, sẽ xử trị theo phép tắc” (Trần Kiến Hoa, Vương Hạc Minh chủ biên 2013, tập 8: 55), vẫn giữ được ý nghĩa truyền thống của trai giới về sự tụ hợp, nhớ nghĩ và thể hiện sự kính trọng; nhưng thông thường đều chuyển trai giới sang việc chuẩn bị đồ lễ, chỉnh lý không gian tế lễ, như trong *Thượng Ngu Quế Lâm Chu thị tổ huấn điều chương* có nói rằng, “hễ có tế tự, người làm trưởng họ phải dẫn dắt con em Trí trai ba ngày, sai người dọn dẹp từ đường, lau rửa tế khí, bày biện đồ đúng giờ” (Trần Kiến Hoa, Vương Hạc Minh chủ biên 2013, tập 8: 57). Hoặc có trường hợp xem nó như việc diễn tập trước cho diễn lễ tế tự, như trong *Đan Dương Đại Hạng Triệu thị từ quy*, dưới điều *Định tế chủ* có nói rằng: “trước tế một ngày, chuẩn bị vào trong từ đường để tập nghi lễ, ngõ hầu không để tới lúc đến nơi rồi mà sai lễ” (Trần Kiến Hoa, Vương Hạc Minh chủ biên 2013, tập 8: 55). Như

vậy, công việc trai giới trước tế tổ đã trở thành một phần của công tác dự bị, còn ý nghĩa cung kính tư thân thì dần suy giảm đi.

Lễ lấy thực hành làm mục tiêu, vì thế mỗi hoàn cảnh hành lễ khác nhau sẽ có sự khác nhau về vai trò nghi văn và ý nghĩa của lễ. “Trong lễ thì, thời là quan trọng nhất”, tùy theo thời mà chế lễ thích hợp vốn là sự thể hiện sức sống của lễ, nhưng vì sự buông lỏng trong mối liên hệ giữa nghi văn và ý nghĩa của lễ, dẫn đến việc dù mọi người hành lễ như nghi thức, nhưng đã sớm mất đi ý nghĩa lễ nghi vốn có; hoặc có người thì thêm vào ý nghĩa mới, hoặc tạo ra lễ nghi mới. Các học giả về nghi lễ thấy được tình hình như vậy, nên khi biên soạn các sách về lễ đã trở về với tài liệu chính, làm sáng rõ các điển cố của cổ lễ để bảo lưu được ý nghĩa của lễ nghi, vì vậy trong Lễ học đã xảy ra hiện tượng trở về nguyên điển. Thời nhà Minh, tiêu biểu nhất phải kể đến là bộ *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Khâu Tuấn. Khi bàn về trai giới trước tế tổ, Khâu Tuấn vừa theo *Gia lễ* của Chu Tử, nhưng phần “Tế lễ khảo chứng” ở cuối quyển tế lễ thì truy về căn cứ kinh điển của trai giới: “*Thiên Tế nghi* nói rằng: Trí trai ở bên trong, Tán trai ở bên ngoài (Trai ở bên trong, là để thận trọng tâm tư mình. Trai ở bên ngoài, là để phòng tà vật. Tán trai là nói không uống rượu, không ăn đồ hôi tanh. Trí trai thì nói đến nhớ cách cư xử, lời nói tiếng cười của tổ tiên vậy); “*Thiên Tế thống* nói rằng: Đến khi sắp tế, người quân tử cần trai giới. Tán trai bảy ngày để an

định tâm chí. Trí trai ba ngày để đạt được sự tinh minh thuần khiết. Quốc quân thì Trí trai ở bên ngoài, Phu nhân thì chí trai ở bên trong (Căn cứ: Ở đây tuy là lễ của chư hầu, nhưng từ đó là suy ra, thì có thể biết được lễ các nhà sĩ thứ”).

Cuốn sách này cũng có phần “bổ sung các nghi thức khác trong tế tự”, đặc biệt là chuyên luận về ý nghĩa của lễ trai giới. Khâu Tuấn trích lục trong *Lễ ký* các câu văn quan trọng để bàn về trai giới, ví dụ như “Trai tức là không nghe nhạc, không điếu tang” trong thiên *Khúc lễ*, chương “Sương móc giáng xuống, quân tử giẫm lên” và chương “Phụ phụ trai giới tắm gội phụng thờ mà tiến lễ” của thiên *Tế nghĩa*, chương “Trai giới có nghĩa là sửa sang” của thiên *Tế thống*. Căn cứ vào đó để điều chỉnh lại những sai lầm về nguyên ý của trai giới.

4. Gia lễ lược biên vận dụng và phát huy theo phương pháp trở về nguyên điển trong Văn Công gia lễ nghi tiết của Khâu Tuấn

Văn Công gia lễ nghi tiết của Khâu Tuấn được đông đảo mọi người yêu thích, không những được san khắc ấn hành nhiều lần, mà còn có nhiều bản cải biên, vì thế có ảnh hưởng rất sâu rộng đối với Trung Quốc thời Minh - Thanh và các quốc gia xung quanh. Sách *Gia lễ lược biên* cũng có nhiều điểm vận dụng và tham khảo *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Khâu Tuấn, như “theo *Văn Công gia lễ* dẫn ở đây, phần tiêu chú ở dưới nói rằng: Ở đây tuy là lễ của chư hầu, nhưng từ đó là suy ra, thì có thể biết được lễ các nhà

sĩ thứ” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên). 2024: 14), khi giải thích về ý nghĩa nghi lễ và những thay đổi của nghi thức tế Đông chí cũng nhiều lần dẫn *Văn Công gia lễ nghi tiết* để làm cơ sở thảo luận.

Trên nền tảng trở về nguyên điển của Khâu Tuấn, *Gia lễ lược biên* đã tiếp tục phát triển, ít nhất có thêm hai ý nghĩa như sau:

4.1. Từ trở về nguyên điển đến lập trường quan phương

Nhiều quy định nghi lễ tư gia của Việt Nam cũng giống như quy ước của tông tộc thời Minh - Thanh, tức là bỏ qua ý nghĩa nhiều tầng của các giai đoạn “Dự bị => Ngưng thân => Tư thân” vốn có trong trai giới trước khi tế tổ. Trong phần *Gia lễ vấn đáp* sách *Hồ Thượng thư gia lễ* (thành sách vào khoảng năm 1676 - 1782) có nói rằng, “căn cứ vào thời gian tế Nễ, thì trai giới trước ba ngày. Khi tế vào ngày giỗ, thì trai giới trước một ngày” (Vũ Việt Bằng 2022: 414), ngoài ra trong phần “Nghi tiết tế Nễ” có nhắc đến rằng: “Trai giới trước ba ngày. Trước một ngày đặt 2 bài vị ở chính tâm, bày đồ tế khí dưới nhà, làm các việc như bày trái phản chiếu” (Vũ Việt Bằng 2022: 432), nhấn mạnh đến công việc chuẩn bị như bày đồ tế lễ. Bản *Thọ Mai gia lễ* được lưu hành rộng rãi tại Việt Nam (ước đoán thành sách vào nửa sau thế kỷ XVIII) ghi chép chủ yếu là nghi tiết về tang lễ, không đề cập đến nghi lễ tế tổ. Chỉ có “nghi tiết cát kỵ” (tế lễ ngày giỗ) có đề cập đến rằng, “trước một hôm, từ chủ nhân trở xuống sẽ thay đổi trang phục, đến báo cáo trước ở từ

đường, xin xuất thân chủ, đặt ở chính tâm” (Hồ Gia Tân (Việt Nam): 39a), việc thay đổi sắc phục của chủ nhân trước một ngày là ý của cỗ lễ mặc áo sạch để cho thấy sự thanh khiết, nhưng trọng điểm là ở báo cáo trước với thân chủ, và xin rời đến chính tâm. Còn đối với các bước như chuyên chú tế tự và tư thân của người dự tế thì đều chưa đề cập tới. Cuốn *Tam lễ tập yếu* được thành sách vào năm Minh Mệnh thứ 8 (1827), có một phần nội dung *Tế lễ tập yếu* do Phạm Phủ soạn, nhưng chưa đề cập đến trai giới. Phần phụ lục sau *Tam lễ tập yếu* có *Văn hiến Tiêu thị gia tàng Văn Công gia lễ yếu tông*, ở điều *Tế lễ* của phần này có nói rằng: “trước hạn một ngày, bày các phẩm vật cúng tế, rẫy nước quét dọn nhà thờ” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên). 2024: 81), cũng chỉ đề cập đến việc bày đồ tế lễ trước khi tế mà thôi. Khi viết tựa cho cuốn *Văn Công gia lễ tồn chân* năm Canh Ngọ (1870) thời Tự Đức, Đỗ Huy Uyên đã chủ động dẫn dắt ảnh hưởng của *Thọ Mai gia lễ* đối với xã hội, hướng dẫn chi tiết đối với nghi tiết và giải thích về tang lễ và tế lễ. Nhưng, khi bàn về việc trai giới trước tế, điều “ky nhật” có nói: “trai giới trước một ngày, như nghi lễ tế Nễ”, nhưng ở điều “Nễ” thì cũng chỉ nói rằng “cuối thu tế Nễ. Trước một hôm tế vào hạ tuần thì xem ngày. Trước tế một ngày, phải bày đồ tế, cỗ bàn. Sáng sớm hôm sau thì thay trang phục, đến từ đường, kính mời xuất thân chủ ra chính tâm”, mà không nói rõ trai giới thế nào (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo

(Hàn Quốc) (chủ biên). 2024:48-49)¹².

Ngoài ra, một số tài liệu sách gia lễ của Việt Nam có tuân thủ nghiêm ngặt lập trường của cỗ lễ trong kinh điển, tiêu biểu là sách *Tứ lễ lược biên*, *Tứ lễ lược tập* của Bùi Huy Tùng (bài tựa tựa năm 1839). *Tứ lễ lược tập* của Bùi Huy Tùng ngay từ đầu đã giải thích về trai giới ở chương “Từ đường”: “*Kinh Lễ* nói rằng “trai giới trang nghiêm, trang phục chỉnh tề, để mà tế tự”, đó là tông chỉ vậy. Hễ có việc tại từ đường, chớ vì tiên tổ xa hay gần mà phân biệt kính trọng, chớ vì đồ cúng ít nhiều mà phân biệt thành tâm. Thành ở bên trong, ấy là sự cung kính trong tâm vậy; thành ở bên ngoài, là dáng vẻ ung dung thư thái vậy. Ung dung trang nghiêm, chẳng phạm sai nhảm. Sợ hãi hốt hoảng, như tiên tổ đang ở bên trên mình. Như thế có thể đón tiếp được thân mình. Nếu không biết như vậy thì ngược lại,...”; “lại như thiên *Tế thống* có nói rằng: “Đến khi sắp tế, quân tử sẽ trai giới”. Trai giới bên ngoài để phòng tà vật. Trai giới bên trong, để thận trọng tâm. Tắm gội thay trang phục, phạm ai có việc hung uế, thì không được dự tế. Đó là phép trai giới của cỗ nhân” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên) 2024: 306).

Bùi Huy Tùng đã chỉ ra rằng, sự thành kính trong nội tâm là điều tất yếu khi tế tổ, trai giới có lợi đối với việc

12 Ở trên có bản về thời gian xuất bản, xem: Lưu Bách Hoàng, “Thử phân tích tình hình và ý nghĩa nghiên cứu Gia lễ học tại Việt Nam”, tạp chí *Nho học quốc tế* (tiếng Trung và tiếng Anh), năm 2022, kỳ 3, tr.128-146.

phòng tà vật ở bên ngoài và chính tâm bên trong. Nhưng, điều này chưa thể bằng được ý nghĩa người con hiếu nhớ người thân của trai giới. Cũng trong chương “Ky nhật” có giải thích ý nghĩa nghi lễ trai giới rằng: “Việc trai giới trước một ngày, trong ngày trai giới thì trong phải thận trọng ở tâm mình, ngoài phải phòng tà vật. Nhớ đến cách cư xử, lời nói tiếng cười, ý chí và lời dạy bảo của người ấy. Trong ngày ấy, mặc trang phục khăn mũ màu trắng, không uống rượu, không ăn thịt, ngủ ở ngoài, hết mực nhớ nghĩ người thân, như thể đang thấy họ vậy” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên) 2024: 321).

“Trong phải thận trọng ở tâm, ngoài phải phòng tà vật” giống với những điều được nói trong chương “Tứ đường”, chữ “mình” có nghĩa là đề chỉ cho bản thân người trai giới. Nhớ nghĩ đến cách cư xử, lời nói tiếng cười, ý chí và lời dạy bảo của người ấy, thì “người ấy” chính là tổ tiên. Điều này hoàn toàn phù hợp với ý nghĩa cổ lễ về người con hiếu nhớ nghĩ đến người thân.

Quyển 8 phần “bổ sung các nghi thức khác trong tế tự” trong *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Khâu Tuấn có trích lục lại một số câu kinh của *Lễ ký*, tập trung nói rõ ý nghĩa nghi lễ trai giới. Sách *Gia lễ lược biên* sử dụng quan điểm của Khâu Tuấn, tiếp tục tìm thêm các giải thích phù hợp trong bộ *Lễ ký tập thuyết đại toàn* thời Minh đã được sự đồng ý của quan phương lưu hành trong nước, từ đó giúp người đọc có thể hiểu một cách “chính xác” kinh văn. Nếu như nói sự trở về nguyên điển

trong *Văn Công gia lễ nghi tiết* của Khâu Tuấn đã kéo gần khoảng cách giữa gia lễ với kinh điển Nho gia, vậy thì *Gia lễ lược biên* còn thúc đẩy thêm một bước trong mối quan hệ giữa tế lễ của dân gian với lập trường văn hóa quan phương.

Khi so sánh *Văn Công gia lễ nghi tiết* với *Gia lễ lược biên*, có thể thấy được lập trường quan điểm của *Gia lễ lược biên*. Như vấn đề “Trí trai bên trong, Tán trai bên ngoài” của thiên “Tế nghĩa”¹³, ở bên dưới, Khâu Tuấn có tiểu chú rằng: “Trai ở bên trong, là đề thận trọng tâm. Trai ở bên ngoài, là đề phòng ngừa tà vật. Tán trai là nói không được uống rượu, không ăn các loại hôi tanh. Trí trai thì nói về việc nhớ nghĩ đến cách cư xử, lời nói tiếng cười của tổ tiên vậy” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên) 2024: 289). Sách *Gia lễ lược biên* hoàn toàn dẫn thuật lại đoạn kinh văn này, đồng thời ở dưới đoạn này dẫn lại cả *Lễ ký tập thuyết đại toàn*. Đối với đoạn kinh văn “Trí trai bên trong, Tán trai bên ngoài”, văn chú chỉ ra: “Họ Phương nói rằng trai ở bên trong, là đề thận trọng tâm; trai ở bên ngoài, là đề phòng ngừa tà vật. Tán trai là nói không được uống rượu, không ăn các loại hôi tanh. Trí trai thì trong ngày trai giới chỉ rỏ rạo việc trai giới mà thôi. Như thế sau khi Trí trai rồi thì ắt thấy được người cần tế, ấy là sự cùng tốt của nhớ nghĩ vậy” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản),

13 *Gia lễ lược biên* viết nhầm là “Tế thống”. Không rõ có phải do sai lầm ở bản sao chép hay không.

Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên) 2024: 15).

Đối chiếu cả hai, có thể thấy rằng, chú giải này của Khâu Tuấn đã tham khảo họ Phương nhưng có thay đổi đôi chút, nhưng không nói rõ ràng. Hơn nữa, theo chữ viết trong kinh được trích dẫn, cũng chưa đề cập đến các chữ quan trọng “nhớ nghĩ đến cách cư xử”, nhưng chú thích của Khâu Tuấn thì lập tức dẫn đến câu cuối trong đoạn năm điều nhớ từ “nhớ nghĩ cách cư xử”. Còn sách *Gia lễ lược biên* dẫn thuật lại *Lễ ký tập thuyết đại toàn*, đã sử dụng phương pháp không bỏ sót, không chồng lấn, tuân tự theo chú giải để giải thích kinh văn. Từ ví dụ này, có thể suy luận rằng, người biên soạn *Gia lễ lược biên* hy vọng thông qua việc hiểu chính xác kinh văn, có thể từng bước dẫn dắt người đọc xem lại các tri thức ý nghĩa nghi lễ phù hợp với kinh văn và lập trường quan phương.

Gia lễ lược biên căn cứ vào *Lễ ký tập thuyết đại toàn* để giải thích kinh văn, nội dung phần nhiều là quan điểm kinh học thời Tống, Nguyên, có thể xếp vào truyền thống “Tống học”. *Tứ lễ lược tập* của Bùi Huy Tùng căn cứ trên tác phẩm khảo cứu thời Thanh là *Tục lễ thông khảo*, nên quy vào hệ “Hán học”. Từ lâu, *Lễ ký tập thuyết đại toàn* (thời Minh) và bản nền của nó là *Lễ ký tập thuyết* của Trần Hạo (người thời Nguyên), đã bị chỉ trích bởi các học giả thời Thanh là những người chuộng cái học khảo cứu về lễ và theo quan điểm lễ của Trịnh Huyền

thời Hán¹⁴. Nhưng, cùng với sự lưu truyền của thư tịch vào lãnh thổ Đại Nam, nó lại phù hợp với sự phát triển của Gia lễ học Việt Nam, cùng nhau trở thành sức mạnh để thúc đẩy sự trở về nguyên điển của gia lễ học.

4.2. Từ trở về nguyên điển mở ra sự giải thích rõ ràng

Người biên soạn *Gia lễ lược biên* đã tham khảo và dẫn thuật một lượng lớn nội dung từ *Lễ ký tập thuyết đại toàn*. Vậy, nguyên tác viện dẫn lựa chọn ở đây là gì? Làm rõ điểm này góp phần giúp chúng ta hiểu được tính chất và mục đích biên soạn sách này. Trong phần dưới đây, chúng tôi sẽ tiến hành thảo luận cụ thể về vấn đề này.

Lấy ví dụ thiên *Giao đặc sinh* sách *Lễ ký*: “Không Tử nói rằng: Trai giới ba ngày, nếu trai giới một ngày thì còn sợ rằng bất kính; hai ngày đã đánh trống, thì sao nữ” (Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên) 2024: 16-17), để tiện đối chiếu, sau đây sẽ dẫn thuật phần chú thích hoàn chỉnh của *Đại toàn*, ngoài ra gạch chân đánh dấu nội dung dẫn dụng của tác giả sách *Gia lễ lược biên*. *Lễ ký tập thuyết đại toàn* ghi rằng: “Người

14 Liên quan đến thảo luận về mối quan hệ giữa *Lễ ký tập thuyết* của Trần Hạo người thời Nguyên với *Lễ ký tập thuyết đại toàn* do thời Vĩnh Lạc nhà Minh ra lệnh biên soạn, có thể tham khảo Lưu Bách Hoảng: “Tìm hiểu về sự truyền bá bộ *Lễ ký tập thuyết* của Trần Hạo và các vấn đề liên quan trước triều Vĩnh Lạc”, *Tạp san nghiên cứu Văn Triết Trung Quốc*, kỳ số 53 (tháng 9 năm 2018), tr.73-111. Lưu Bách Hoảng: “Giải thích kinh điển của quan phương và ý thức về đạo thống - Lấy đối tượng nghiên cứu là *Lễ ký tập thuyết đại toàn*”, *Tạp chí Nghiên cứu Hán học*, kỳ 2 quyển 41 (tháng 6 năm 2023), tr.1-39.

trao giới không nghe nhạc, là sợ phân tán tâm trí của mình. Nay trong ba ngày, mới ngày thứ 2 đã đánh trống, thì nghĩa ấy là ở đâu? Ấy là lời trách móc quá lạ vậy (Họ Chu ở Diên Bình nói rằng: Quân tử nếu không có lý do gì thì không bỏ nhạc, cho nên khi Trí trai thì không nổi nhạc trong ba ngày, rồi sau đó mới được tế, như thế mà còn sợ bất kính. Nếu như ngày thứ hai của thời gian trao giới mà đã đánh trống, thì sao nữa? Sao nữa là lời nghi ngờ mà than vậy. Họ Lục ở Sơn Âm nói rằng: Đây chẳng phải là việc ở nước Lỗ hay sao? Không nói thẳng ra là vì kiêng rè vậy. Họ Phương ở Nghiêm Lăng nói rằng: Sách *Gia ngữ* có nói: Quý Hoàn Tử khi sắp tế, trao giới ba ngày mà mới hai ngày, âm thanh chuông trống đã không dứt. Đại khái là nói về việc đó)” (Nhóm của Hồ Quảng (thời Minh) biên soạn, quyển 11: 14a).

Phần đại chú là nguyên chú trong *Lễ ký tập thuyết* của Trần Hạo, phần tiêu chú là quan lại biên soạn triều Minh tăng bổ thêm lời bàn thêm kinh điển của người thời Tống. Phần gạch chân là nội dung dẫn thuật của *Gia lễ lược biên*. Lục Điền (họ Lục ở Sơn Âm) và Phương Xác (họ Phương ở Nghiêm Lăng) thời Tống đều giải thích xuất xứ điển cổ trong lời nói của Khổng Tử, nhưng không giải thích ý nghĩa của kinh văn, cho nên *Gia lễ lược biên* không lựa chọn. Còn Trần Hạo và Chu Tu (họ Chu ở Diên Bình) lần lượt nói rõ mối liên quan giữa nhạc và trao giới, giúp người đọc dễ dàng lĩnh hội được vì sao “hai ngày đã đánh trống” là không hợp lý, và cũng hiểu được nghi vấn “sao nữa” mà Khổng Tử nói.

Hoặc, ví dụ như câu “vị cam làm nền để hòa năm vị, trắng để làm nền cho muôn màu sắc, người trung tín có thể học lễ. Nếu không phải là người trung tín, thì lễ chẳng thể giả dối. Vì thế mới biết rằng có được người như thế là quý” (Ngô Chân, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên) 2024: 17) trong thiên *Lễ khí* sách *Lễ ký*, sách *Lễ ký tập thuyết đại toàn* chú rằng: “Cam ở trong năm vị thuộc hành Thổ, Thổ thì không chuyên khí nào mà bốn mùa đều là vương cả, cho nên chỉ có vị cam mới điều hòa được các vị. Các màu sắc đều lấy màu trắng làm nền, cho nên mọi sự vẽ vời là sau khi đã có nền trắng vậy. Từ hai điều đó cho thấy rằng người trung tín có thể học lễ. Đạo như là đi đường, con đường là thứ mà mọi người cùng đi, người ta không có trung tín thì mọi việc đều giả dối. Lễ không thể nào thi hành suông. Đại truyện nói rằng: nếu chẳng phải người ấy, đường đi chẳng thể đi suông. (Họ Phương ở Nghiêm Lăng nói rằng: người đức bạc thì lễ hư giả, không có đức trung tín mà thực hành, thì con đường của lễ cũng không dựa vào đâu mà thi hành. Sách *Dịch* chẳng đã nói rằng, nếu chẳng phải người ấy, đường đi chẳng thể đi suông. Sách *Trung dung* cũng nói rằng, lễ nghi ba trăm mà uy nghi ba nghìn, đợi người ấy rồi sau mới thi hành. Cho nên, lời kinh nói rằng có được người như thế là quý. Họ Mã nói rằng: Vị cam là chất tốt trong các vị. Màu trắng là chất tốt trong các màu. Người trung tín là chất tốt trong loài người. Rồi sau đó mới văn súc sau. Vì thế, vị cam có thể trung hòa, màu trắng thì nhận các màu sắc, người

trung tín thì có thể học lễ. Hòa là văn sức cho vị ấy, màu sắc là văn sức cho sắc ấy, lễ là văn sức cho trung tín. Nếu chất thực không tồn tại bên trong, thì văn sức không thể nào thi hành ra bên ngoài, cho nên nói rằng trung tín là gốc của lễ; còn nghĩa lý là văn sức của lễ. Không gốc thì chẳng thể đứng được, không văn sức thì không thi hành được. Nếu chẳng phải là người trung tín, lễ chẳng thể nào thi hành suông. Đạo là nói về thi hành vậy)” (Nhóm của Hồ Quảng (thời Minh) biên soạn, quyển 10: 36b-37a).

Đầu tiên, Đại chú dùng Ngũ hành để giải thích công hiệu điều hòa của vị cam, dẫn sách *Luận ngữ* để chứng minh rằng màu trắng là nền tảng của việc tô màu. Lấy hai điều đó để so sánh với mối quan hệ giữa đạo đức của người trung tín với lễ. Người biên soạn sách *Gia lễ lược biên* không lựa chọn cách nói ví dụ, mà trực tiếp dẫn thuật nội dung “người trung tín có thể học lễ. Nếu không phải là người trung tín, lễ chẳng thể nào thi hành suông” để giải thích kinh văn. Phương Xác khi giải thích, coi trọng việc chú giải câu “nếu chẳng phải là người trung tín”, có lặp lại lời của Đại chú. Mã Hy Mạnh tập trung làm rõ quan hệ đối ứng của ba thứ là vị, sắc và đức, cũng là sự phát huy đoạn trước của Đại chú. Tác giả của *Gia lễ lược biên* đã không lựa chọn cách làm của hai họ Phương, Mã có lẽ là để né tránh rườm rà.

Sách *Gia lễ lược biên* đã cung cấp một bản kinh văn ngắn gọn, rõ ràng, giúp người đọc nắm được tông chỉ của kinh văn và ý nghĩa của câu từ, phát huy

được hiệu quả dẫn dắt và học tập. Thiên đầu của *Gia lễ lược biên* là “Cổ huấn”, sau đó có ba mục gồm “Từ đường”, “Trai nghi”, “Tế huấn”, phần nhiều lấy chú thích trong *Lễ ký tập thuyết đại toàn*. “Huân” có nghĩa là dạy bảo, là một trong những mục đích biên soạn của bộ *Gia lễ lược biên*, giúp người đọc học tập phù hợp với nội dung của kinh điển chính thống, có sự hiểu biết đúng đắn và sâu sắc về văn hóa của nghi thức tế tổ gia tộc. Cuốn sách này không những là sổ tay chỉ dẫn về hành lễ, mà còn là tài liệu học tập luân lý có thể dùng trong gia tộc.

5. Kết luận

Bộ *Ngũ kinh đại toàn* được biên soạn vào niên hiệu Vĩnh Lạc nhà Minh có ảnh hưởng đến các nước ở khu vực Đông Á, truyền vào Việt Nam muộn nhất là năm 1419, đến năm 1422, chính quyền triều Lê đã chính thức đồng ý triển khai đến các cơ quan giáo dục tại địa phương trong nước. Hiện nay, có bộ *Gia lễ lược biên* (VHv.2487) là “tàng bản của họ Trần” được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Bộ sách này dẫn thuật một lượng lớn nội dung liên quan đến giải thích ý nghĩa nghi lễ của sách *Lễ ký tập thuyết đại toàn* trong bộ *Ngũ kinh đại toàn*, đồng thời cũng đặt riêng một mục “Trai nghi” để nói rõ sự cần thiết của trai giới trước tế tổ. Đây là hai đặc trưng độc đáo trong sự phát triển của gia lễ thời Minh - Thanh và gia lễ tại Việt Nam, chứng minh được hiện tượng thông tục và thực dụng của kinh học về *Lễ ký* thời Minh ở ngoài Trung Quốc. Bài nghiên cứu này lấy manh mối là trai giới trước tế tổ, thông

qua truy nguồn ý nghĩa cổ lễ, diễn biến phát triển đời sau, cùng với việc *Gia lễ lược biên* đã vận dụng *Lễ ký tập thuyết đại toàn* như thế nào để chấn hưng giá trị của trai giới, mong rằng sẽ có những định vị ban đầu đối với bộ sách chú thích về nghi lễ tư gia của Việt Nam. Thông qua quan sát, bài viết đưa ra một số nhận định như sau:

Thứ nhất, theo ghi chép trong sách về cổ lễ, Nho gia chủ đích phân biệt tế tự thiên thân địa kỳ và tế tự tổ tiên, một trong những điểm then chốt trong đó là “tế tổ không cầu” - tức là tế tổ thì không nên xuất phát từ suy nghĩ lợi ích, không có mục đích là cầu phúc, tránh họa. Bản ý của tế tổ là nhớ nghĩ về người thân, đạt được sự giao cảm vượt khỏi ranh giới sinh tử. Vì thế, sách cổ lễ quy định việc tiến hành trai giới trước khi tế tổ cần trải qua ba trình tự gồm: Dự bị => Ngưng thần => Tư thân. “Dự bị” nhấn mạnh đến thân tâm tránh bị quấy nhiễu, phân tách khỏi thế giới đời sống. “Ngưng thần” là sự thăng hoa và chuyên chú của tinh thần. Tư thân là đem sự chuyên chú ấy soi chiếu vào hình tượng và chi tiết trong đời sống của người thân lúc còn sống. Mục tiêu lý tưởng của trai giới là trước khi tế tự, người chủ tế có thể giao cảm được với tổ tiên.

Thứ hai, việc quy định của cổ lễ đối với trai giới, đã trở thành bản thiết kế cho việc quy định tế tự trong điển lễ quan phương đời sau. Nhưng, dù là sách lễ của quan phương hay quy ước của gia tộc trong dân gian, thì trai giới trước tế tổ đều phát triển theo xu hướng hư văn và thực dụng, các giai đoạn trai

giới phần lớn dùng vào việc bày đồ tế khí, quét dọn môi trường, hoặc là diễn tập điển lễ. Chức năng của trai giới cũng trở thành một phương thức để tập trung người tham dự, bảo đảm tông thân tham dự điển lễ. Vấn đề “ngưng thần”, “tư thân” ít được đề cập đến.

Thứ ba, cùng với sự phát triển theo xu hướng đơn giản, thực dụng hóa, khiến cho ý nghĩa nghi lễ của cổ lễ dần mất đi. “Khảo cứu lễ tế” và “bổ sung các nghi thức khác trong tế tự” trong *Văn Công gia lễ nghi tiết* mà Khâu Tuấn biên soạn, đã trích lục những kinh văn liên quan đến trai giới trong *Lễ ký*, kéo gần khoảng cách giữa nghi văn của gia lễ với kinh điển, đồng thời đưa ra ý tưởng về sự trở về nguyên điển đối với công việc biên soạn, chú giải nghi lễ của tư gia.

Thứ tư, sách của Khâu Tuấn sau khi lưu truyền vào Việt Nam, đã có không ít sách gia lễ của Việt Nam sử dụng làm tài liệu tham khảo. Trên nền tảng trở về nguyên điển của Khâu Tuấn, sách *Gia lễ lược biên* đã làm sâu sắc và phát triển hơn. Đầu tiên, ông dẫn thuật chú giải của *Lễ ký tập thuyết đại toàn* đối với kinh văn, cung cấp cho người đọc cái nhìn toàn thể hơn về kinh văn của *Lễ ký*. Vì sách *Lễ ký tập thuyết đại toàn* được sự công nhận của quan phương, nên sự giải thích có tính quyền uy chính trị. *Gia lễ lược biên* viện dẫn *Lễ ký tập thuyết đại toàn* cũng nhằm mục đích nâng cao tính chính đáng của nội dung.

Thứ năm, nguyên tắc dẫn dùng *Lễ ký tập thuyết đại toàn* của sách *Gia lễ lược biên* là cung cấp cách giải thích

ngắn gọn, dễ hiểu, hoàn chỉnh, tránh rườm rà. Đối với xuất xứ điển cố trong sách gốc, hoặc những nội dung giải thích trùng lặp, người biên soạn sách sẽ loại bỏ và không ghi lại. Suy đoán mục đích của người biên soạn là giúp thành viên nội tộc có thể học tập những nội dung phù hợp với lời dạy của thánh nhân, nhìn nhận một cách nghiêm túc nghi thức tế tổ. Chính vì thế, cuốn sách này vừa có công dụng chỉ dẫn hành lễ, vừa có công dụng giáo hóa luân lý.

Tài liệu trích dẫn

1. Trịnh Huyền (thời Đông Hán) chú, Lục Đức Minh (thời Đường) làm âm nghĩa, Khổng Dĩnh Đạt (thời Đường) làm sớ. 1984. *Trùng san Tổng bản Lễ ký chú sớ*. Đài Bắc: Văn Nghệ ấn thư quán.

2. Lã Tổ Khiêm (thời Nam Tống). 1983. *Đông Lai biệt tập*. Đài Bắc: Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, bản *Văn Uyên các Tử khó toàn thư*.

3. Chu Hy (thời Nam Tống), Quách Tề, Doãn Ba hiệu điểm. 1996. *Chu Hy tập*. Thành Đô: Tứ Xuyên giáo dục xuất bản xã.

4. Nhóm của Hồ Quảng (thời Minh) biên soạn. *Lễ ký tập thuyết đại toàn*. Bản khắc của Nội phủ thời Minh.

5. Du Nhữ (thời Minh) biên soạn. 1983. *Lễ bộ chí cáo*. Đài Bắc: Đài Loan Thương vụ ấn thư quán, bản của *Văn Uyên các Tử khó toàn thư*.

6. Hồ Gia Tân (Việt Nam). *Thọ Mai gia lễ*. Bản của Cẩm Văn đường năm Tự Đức thứ 19 (1866).

7. Vương Phong Tiên. 2009. *Khang Hy triều ngự toàn chư kinh biên soạn nghiên cứu*. Bắc Kinh: Luận văn học vị Tiến sĩ Đại học Bắc Kinh.

8. Trần Kiến Hoa, Vương Hạc Minh

chủ biên. 2013. *Trung Quốc gia phả tư liệu tuyển biên*. Tập 8. Thượng Hải: Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã.

9. Hứa Di Linh. 2018. “Từ góc nhìn Đông Á bàn về ý nghĩa của *Tính lý đại toàn*: Trung tâm là so sánh sự lưu truyền giữa Hàn Quốc và Việt Nam”. *Tạp chí Nghiên cứu Hán học Trung Chính*, kỳ 2 năm 2018 (tháng 12 năm 2018), tr.35-64.

10. Lưu Bách Hoàng. 2018. “Tìm hiểu về sự truyền bá bộ *Lễ ký tập thuyết* của Trần Hạo và các vấn đề liên quan trước triều Vĩnh Lạc”. *Tập san nghiên cứu Văn Triết Trung Quốc*, kỳ số 53 (tháng 9 năm 2018), tr.73-111.

11. Vũ Việt Bằng. 2022. *Nho giáo Việt Nam và văn hóa dòng họ - Văn bản Hồ Thượng thư gia lễ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

12. Lưu Bách Hoàng. 2022. “Thử phân tích tình hình và ý nghĩa nghiên cứu Gia lễ học tại Việt Nam”. *Tạp chí Nho học quốc tế* (tiếng Trung và tiếng Anh), kỳ 3, tr.128-146.

13. Lưu Bách Hoàng. 2023. “Giải thích kinh điển của quan phương và ý thức về đạo thông - Lấy đối tượng nghiên cứu là *Lễ ký tập thuyết đại toàn*”. *Tạp chí Nghiên cứu Hán học*, kỳ 2 quyển 41 (tháng 6 năm 2023), tr.1-39.

14. Ngô Chấn, Juji Azuma (Nhật Bản), Chang Dong-woo (Hàn Quốc) (chủ biên). 2024. *Đông Á Gia lễ văn hiến vịnh biên*. Thượng Hải: Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã.

(Người dịch: ThS. Dương Văn Hà
Viện Trần Nhân Tông,
Đại học Quốc gia Hà Nội)